

Bản án số: **25/2021/DS - ST**

Ngày: 30/12/2021

*“V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Hảo Hoàn

2. Bà Bùi Thị Minh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Dân sự thụ lý số: 129/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc *“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 667/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 691/2021/QĐHPT ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Duy P, sinh năm 1958

Trú tại: Số 126 đường T, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt tại phiên tòa

***Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1956

Trú tại: Số 27 lô A, phố V, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy ủy quyền ngày 15/1/2021 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, số công chứng 000317, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Có mặt tại phiên tòa

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Văn Danh, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hòa Thanh, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1971

HKTT: Tổ 10 phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú cuối cùng: Phòng 506 tòa B, tòa nhà C, số 39 phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày:***

Do có mối quan hệ bạn bè nên ông Lê Duy P có cho ông Nguyễn Đăng T vay một khoản tiền, cụ thể ngày 05/12/2018 hai bên có ký Hợp đồng vay tiền số 014721 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì ông P đồng ý cho ông T vay số tiền 4.850.000.000 (bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất thỏa thuận là 0,8%/tháng.

Thực hiện thỏa thuận ông P đã chuyển cho ông T tổng số tiền mặt thực tế là 4.753.100.000 (bốn tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng, ít hơn so với số tiền thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông T không trả được tiền lãi của 03 tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng và đến hạn cũng không trả được số tiền nợ gốc. Ông P đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nợ gốc và lãi nhưng ông T chây ỳ, chỉ trả dần được một số tiền cho ông P. Cụ thể ngày 10/7/2019 trả được 50.000.000 đồng, ngày 04/8/2019 trả được 50.000.000 đồng. Ngày 12/12/2019 trả được 30.000.000 đồng. Ngày 21/1/2020 trả 45.000.000 đồng. Ngày 01/3/2020 trả 80.000.000 đồng. Ngày 18/4/2020 đã trả 60.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 315.000.000 đồng. Do hai bên khi trả nhau tiền không có bằng chứng xác thực về số tiền trả là trừ vào số tiền nợ gốc hay tiền nợ lãi nên nay ông P xác định số tiền ông T đã trả được trừ vào số tiền nợ gốc. Từ ngày 18/4/2020 đến nay ông T không trả thêm được

cho ông P bất kỳ số tiền nợ gốc và lãi nào, liên tục trốn tránh không hợp tác để giải quyết số nợ gốc và lãi còn lại.

Nay ông P đề nghị Tòa án tuyên buộc ông T trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu là 4.438.100.000 đồng và số tiền lãi tính trên số nợ gốc 4.438.100.000 đồng kể từ ngày 10/12/2018 cho đến ngày 30/12/2021 theo lãi suất tính là 0,8 %/tháng. Số tiền lãi là 1.391.788.160 đồng. Tổng số tiền ông T phải thanh toán cho ông P đến ngày xét xử là 5.829.888.160 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi ông T trả toàn bộ số tiền nợ cho ông P theo mức lãi suất 0,8%/tháng.

Ông P có vợ là bà Lê Thị X. Số tiền ông P cho ông T vay là tài sản riêng của ông P, không có liên quan đến bà X, đề nghị Tòa án không đưa bà X vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, ông Nguyễn Đăng T đã chuyển chỗ ở, không cư trú tại địa chỉ tại thời điểm khởi kiện, không thông báo cho Tòa án và ông P biết về nơi cư trú mới, cố tình giấu địa chỉ đối với ông P. Tòa án đã tiến hành xác minh các địa chỉ nơi làm việc nhưng không tổng đạt trực tiếp được cho ông T. Xét thấy, các biện pháp giao văn bản tố tụng trực tiếp và niêm yết không đảm bảo cho ông T biết được các hoạt động tố tụng của Tòa án nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt bằng hình thức đăng thông tin lên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tiến hành các hoạt động tố tụng của Tòa án nhưng ông T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, vụ án không hòa giải được. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc ông T còn nợ ông P, ông P không yêu cầu tính theo lãi suất nợ quá hạn mà tính theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền là 0,8%/tháng còn lại vẫn giữ các yêu cầu khởi kiện khác đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc ông Nguyễn Đăng T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 4.438.100.000 đồng, tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc này theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 0,8%/tháng kể từ ngày 10/12/2018 đến ngày 30/12/2021, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1

điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý đơn khởi kiện của ông Lê Duy P là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã không đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuy nhiên có nguyên nhân khách quan do thời gian không thể làm việc do thực hiện Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 180 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không có lý do, vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 171, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy P, buộc ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông P số tiền nợ gốc là 4.438.100.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử theo đề nghị của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Duy P khởi kiện ông Nguyễn Đăng T yêu cầu trả lại số tiền nợ gốc và lãi trên cơ sở Hợp đồng vay tiền ngày 05/12/2018 có số công chứng 014721, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Đăng T có nơi cư trú tại thời điểm ông Lê Duy P nộp đơn khởi kiện trên địa bàn quận Cầu Giấy. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án xác định nguyên đơn là ông Lê Duy P, bị đơn là ông Nguyễn Đăng T. Vụ án không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do quá trình tiến hành tố tụng, bà Lê Thị X là vợ ông Lê Duy P đã có ý kiến về việc không tham gia tố tụng trong vụ án. Bà X xác định số tiền ông P cho ông T không liên quan đến bà X. Ông Nguyễn Đăng T đã có quyết định giải quyết việc dân sự về ly hôn số 72/QĐ-LHST ngày 28/5/2015 với vợ là bà Nguyễn Thị Phương T1, trước thời điểm ông T ký hợp đồng vay tiền với ông Phương.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 05/12/2018 thì đến hết ngày 05/3/2019 ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông P. Ngày 04/8/2020 Tòa án nhận được Đơn khởi kiện của ông Lê Duy P. Hội đồng xét xử xét thấy ông P khởi kiện vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Lê Duy P xuất trình tại Tòa án bản Hợp đồng vay tiền ngày 05/12/2018 số công chứng 014721, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh để chứng minh việc có cho ông Nguyễn Đăng T vay số tiền 4.850.000.000 đồng ghi trên hợp đồng và số tiền 4.753.100.000 đồng cho vay trên thực tế. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, được Văn phòng công chứng Chợ Lớn xác nhận có làm thủ tục công chứng Hợp đồng vay tiền giữa ông Lê Duy P và ông Nguyễn Đăng T tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn. Văn bản ông P nộp cho Tòa án đúng là văn bản công chứng do Văn phòng công chứng Chợ Lớn phát hành. Vậy có cơ sở khẳng định Hợp đồng vay tiền ngày 05/12/2018 số công chứng 014721, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh là có thật. Về hình thức, chủ thể hợp đồng, nội dung hợp đồng đảm bảo theo quy định của pháp luật, việc giao kết là có thật nên phát sinh hiệu lực.

Xét số tiền cho vay, ông P trình bày số tiền thỏa thuận cho vay trên hợp đồng là 4.850.000.000 đồng nhưng số tiền cho vay trên thực tế là 4.753.100.000 đồng. Từ sau khi ký hợp đồng thì nguyên đơn xác định ông T có trả được số tiền nợ gốc 315.000.000 đồng, còn nợ gốc là 4.438.100.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù không có ý kiến trình bày của ông T nhưng lời trình bày của ông P về số tiền cho vay, số tiền ông T đã trả đều không làm bất lợi về quyền lợi của ông T, Việc ông T trốn tránh, không đến làm việc tại Tòa án đã tự tước bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình nên có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông P về quá trình thực hiện Hợp đồng vay tiền giữa hai bên. Ông T không trả tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền là vi phạm

nghĩa vụ theo quy định tại điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông P toàn bộ số tiền nợ gốc còn chưa thanh toán.

Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu tính lãi suất nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc sang tính lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông P đề nghị được tính lãi trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 10/12/2018 cho đến ngày xét xử theo lãi suất 0,8%/tháng tính trên số tiền nợ gốc 4.438.100.000 đồng. Xét lãi suất yêu cầu tính đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền không vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời điểm bắt đầu tính lãi suất và số tiền yêu cầu tính lãi là phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng vay tiền và quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Lê Duy P được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn trả ông P số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Đăng T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 280, 357, 398, 401, 463, 466, 468, khoản 2 điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 147; 180, 203, 207, 210, 220, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015

Áp dụng khoản 1, 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy P đối với ông Nguyễn Đăng T.

Ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Duy P số tiền nợ gốc là: 4.438.100.000 đồng (bốn tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu một trăm nghìn) đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử là: 1.391.788.160 (một tỷ ba trăm chín mươi một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn một trăm sáu mươi) đồng. Tổng số tiền là 5.829.888.160 (năm tỷ tám trăm hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn một trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đăng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,8%/tháng (không phải tám phần trăm một tháng) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Về án phí: Ông Lê Duy P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 56.425.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0003919 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Đăng T phải chịu 56.915.000 (năm mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ông Lê Duy P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đăng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thanh Tú

